CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07/BHC/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân:	CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Địa chỉ:	SỐ 224, ĐƯỜNG HÀ HUY GIÁP, PHƯỜNG TRẤN BIÊN, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Điện thoại:	1800 599 900
E-mail:	bhc@bhconsumer.com | www.ttcagris.com.vn
Mã số doanh nghiệp:	3600495818

Số giấy chứng nhận cơ sở đã đủ điều kiện ATTP: Theo chứng nhận FSSC 22000 còn hiệu lực của nhà sản xuất được đề cập tại mục II.5

II. Thông tin về sản phẩm

1. **Tên sản phẩm: ĐƯỜNG DEXTROSE MONOHYDRATE**
2. **Thành phần:** Glucose 90%, phần còn lại là nước
3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 2 năm kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên bao bì.
4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

   - Khối lượng tịnh: 25 kg

   - Vật liệu bao bì đóng gói: Sản phẩm đựng trong bao bì bên trong làm từ vật liệu PE lồng bao PP bên ngoài. Đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):**

   Tên cơ sở sản xuất : Qinhuangdao Lihua Starch Co., Ltd

   Địa chỉ cơ sở sản xuất : No.89 Lihua Street, Funing District, Qinhuangdao City, Hebei Province, China.

   Xuất xứ : Trung Quốc

   Số giấy chứng nhận FSSC 22000: CN13/10354, nơi cấp : SGS

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn chính và nhãn phụ sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. **Kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0,5
2	Hàm lượng Thủy Ngân	mg/kg	0,05
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg	1

2. **Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:**

2.1 Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng bột.
- Mùi vị: Vị ngọt, không có mùi lạ.
- Màu sắc: Màu trắng.

2.2 Chỉ tiêu hóa lý:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn
1	Hàm lượng glucose	%	≥ 90,0

2.3 Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng SO_2	mg/kg	10

3. **Hướng dẫn sử dụng:**

Dùng trong chế biến thực phẩm

4. **Hướng dẫn bảo quản:**

Tránh ánh nắng trực tiếp, để ở nơi khô ráo, thoáng mát

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 07 tháng 10 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Bùi Thủy Ngân

GIÁM ĐỐC DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

Sản phẩm: ĐƯỜNG DEXTROSE MONOHYDRATE

Thành phần: Glucose 90%, phần còn lại là nước

Khối lượng tịnh: 25 kg

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm

Hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất

Xuất xứ: Trung Quốc

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Tránh ánh nắng trực tiếp, để ở nơi khô ráo, thoáng mát.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

Nhập khẩu bởi:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Số 224, đường Hà Huy Giáp, phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai, Việt Nam.

Sản xuất tại:

QINHUANGDAO LIHUA STARCH CO., LTD

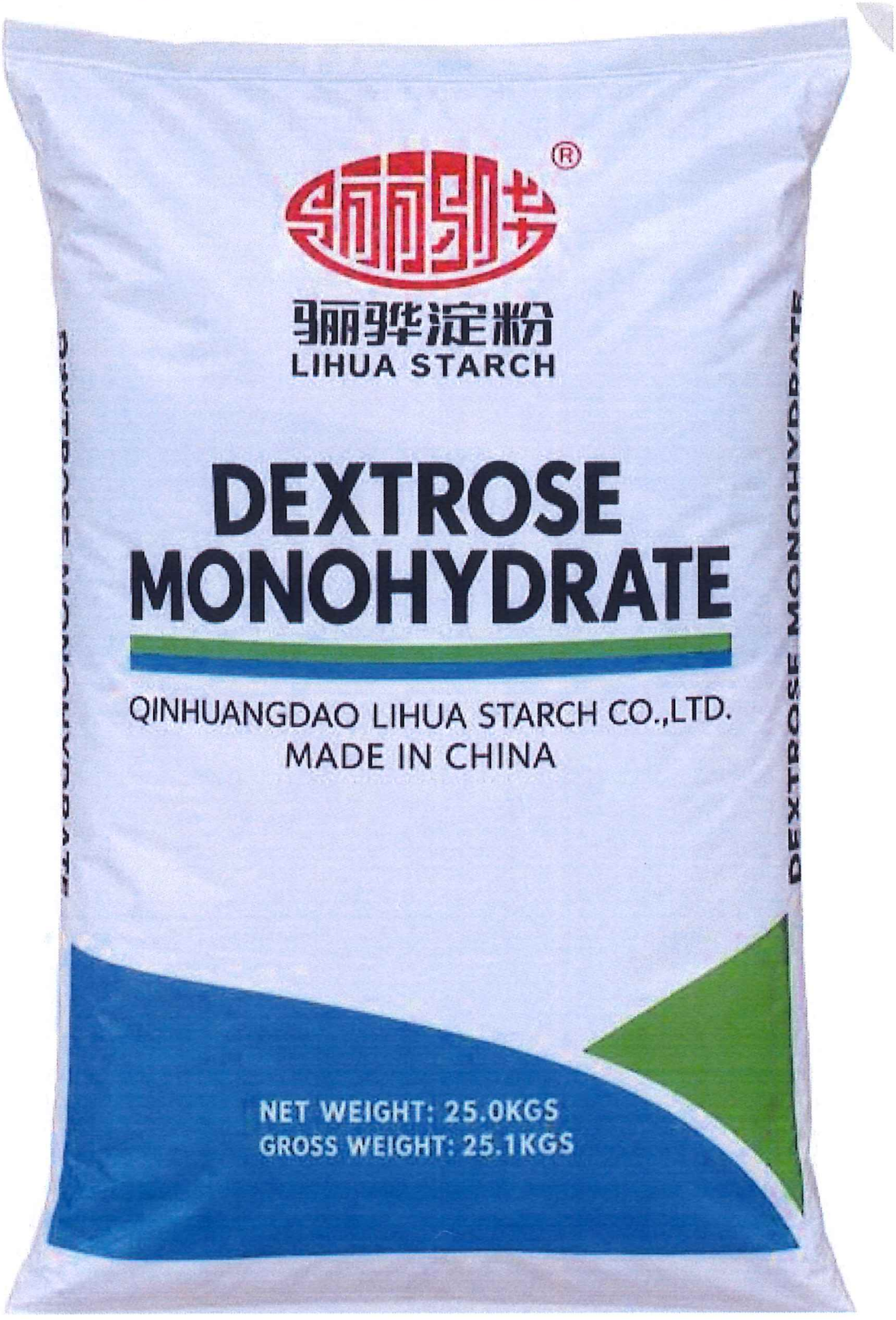
No.89 Lihua Street, Funing District, Qinhuangdao City, Hebei Province, China.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Bùi Thúy Ngân

GIÁM ĐỐC DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

MẶT TRƯỚC NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



Đồng Nai, Ngày 24 tháng 09 năm 2026

M.S.D.N: 3600495818 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Bùi Thủy Ngân

GIÁM ĐỐC DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

MẶT TRƯỚC NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM

	LIHUA STARCH DEXTROSE MONOHYDRATE CÔNG TY TNHH TINH BỘT LY HOA (TẦN HOÀNG ĐẢO) SẢN XUẤT TẠI TRUNG QUỐC TRỌNG LƯỢNG TỊNH: 25,0 KG TỔNG TRỌNG LƯỢNG: 25,1 KG

Đồng Nai, Ngày 24 tháng 09 năm 2026

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Thủy Ngân

GIÁM ĐỐC DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

Tôi, **Nguyễn Thị Mỹ Phương**

Thẻ căn cước công dân số **064181008014**
Ngày cấp: **28/06/2022**

Cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ / văn bản này từ tiếng **Anh** sang tiếng **Việt**

Ngày 25 tháng 09 năm 2026

Người dịch

Nguyễn Thị Mỹ Phương

Ngày 25 tháng 09 năm 2026
(Ngày hai mươi lăm, tháng chín, năm hai ngàn hai mươi sáu)
Tại Ủy Ban Nhân Dân Phường Diên Hồng, TP. Hồ Chí Minh
Tôi: **Lại Thị Thanh Thúy**
Là: **Phó Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công phường Diên Hồng**

CHỨNG THỰC

Bà: **Nguyễn Thị Mỹ Phương** là người đã ký vào từng trang bản dịch này.
Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Ủy Ban Nhân Dân Phường Diên Hồng, TP. Hồ Chí Minh.
Văn bản chứng thực này được lập thành ……3…bản gốc (mỗi bản gốc gồm ……3……tờ, ……3……trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Ủy Ban Nhân Dân Phường Diên Hồng, TP. Hồ Chí Minh.

Số chứng thực: 00150244 Quyển số: **09/2026 - SCT/CKND**

Ngày 25 tháng 09 năm 2026
TUQ. CHỦ TỊCH
PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG PHƯỜNG DIÊN HỒNG

Lại Thị Thanh Thúy

KC 038/9
A-V Ký

MẶT SAU NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



Đồng Nai, Ngày 24 tháng 09 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Bùi Thúy Ngân

GIÁM ĐỐC DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

MẶT SAU NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



DEXTROSE
MONOHYDRATE

SỐ LÔ: XEM NỘI DUNG IN
NGÀY SẢN XUẤT: XEM NỘI DUNG IN
SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC: XEM NỘI DUNG IN
HẠN SỬ DỤNG: HAI NĂM
ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN:
TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP
ĐỂ Ở NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT

SỐ 89 ĐƯỜNG LY HOA, HUYỆN PHỦ NINH, THÀNH PHỐ TẦN HOÀNG ĐẢO, TỈNH HÀ BẮC, TRUNG QUỐC.
http://www.qhdlihua.com

1300/09002

Đồng Nai, Ngày 24 tháng 09 năm 2026

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Thủy Ngân

GIÁM ĐỐC DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

Tôi, **Nguyễn Thị Mỹ Phương**

Thẻ căn cước công dân số **064181008014**
Ngày cấp: **28/06/2022**

Cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ / văn bản này từ tiếng **Anh** sang tiếng **Việt**

Ngày 25 tháng 09 năm 2026

Người dịch

Nguyễn Thị Mỹ Phương

Ngày 25 tháng 09 năm 2026
(Ngày hai mươi lăm, tháng chín, năm hai ngàn hai mươi sáu)
Tại Ủy Ban Nhân Dân Phường Diên Hồng, TP. Hồ Chí Minh
Tôi: **Lại Thị Thanh Thúy**
Là: **Phó Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công phường Diên Hồng**

CHỨNG THỰC

Bà: **Nguyễn Thị Mỹ Phương** là người đã ký vào từng trang bản dịch này.
Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Ủy Ban Nhân Dân Phường Diên Hồng, TP. Hồ Chí Minh.
Văn bản chứng thực này được lập thành ……3…bản gốc (mỗi bản gốc gồm ……3……tờ, ……3…trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Ủy Ban Nhân Dân Phường Diên Hồng, TP. Hồ Chí Minh.

Số chứng thực: 00150243 Quyển số: **09/2026 - SCT/CKND**

Ngày 25 tháng 09 năm 2026
TUQ. CHỦ TỊCH
PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG PHƯỜNG DIÊN HỒNG

Lại Thị Thanh Thúy

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02572BTP5/1	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	14/05/2025 Page 01/05

1. Tên mẫu / *Name of sample*: **ĐƯỜNG DEXTROSE MONOHYDRATE**

2. Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa.
As received sample is contained in plastic bag.

3. Số lượng mẫu / *Quantity*: 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 24/04/2025

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration*: 25/04/2025 - 14/05/2025

6. Nơi gửi mẫu / *Customer*: **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*: Xem trang / *See page* 02-05/05

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-02572BTP5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*:

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Cảm quan(*) / *Sensory test*	QTTN/KT3 234 : 2019		-	
• Trạng thái / *State*				Dạng bột, mịn, không vón *Powder, silky, no curdle*
• Màu sắc / *Color*				Trắng *White*
• Mùi vị/ *Odor & taste*				Đặc trưng của sản phẩm *Characteristic of product*
7.2. Hàm lượng glucose tính theo khối lượng, % *Glucose content (m/m)*	QTTN/KT3 096 : 2017		-	91,2
7.3. pH dung dịch 50 % *pH of 50 % solution*	TCVN 12348:2018		-	4,93
7.4. Độ ẩm tính theo khối lượng, % *Moisture content (m/m)*	QTTN/KT3 136 : 2016		-	8,38
7.5. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO_2), g/kg *Sulfur dioxide content*	AOAC 2019 (990.28)		$6,0 \times 10^{-3}$	Không phát hiện *Not detected*
7.6. Năng lượng(*) / *Calories*	QTTN/KT3 024 : 2018		-	
• kcal/100 g				397
7.7. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, g/100 g *Carbohydrate excluding fibre content*	AOAC 2020.07		-	99,3
7.8. Hàm lượng béo, g/100 g *Fat content*	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)		0,1	Không phát hiện *Not detected*
7.9. Hàm lượng protein, g/100 g *Protein content*	QTTN/KT3 140 : 2016 Kjeldahl method		0,1	Không phát hiện *Not detected*
7.10. Hàm lượng natri, mg/100 g *Sodium content*	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC (969.23))	1,30		Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-02572BTP5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/05/2025

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.11. Hàm lượng đường tổng số[(2)], g/100 g *Total sugar content*	QTTN/KT3 096 : 2017		-	91,2
7.12. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg *Total arsenic content*	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.13. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QTTN/KT3 098 : 2016	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.14. Hàm lượng cadimi, mg/kg *Cadmium content*	QTTN/KT3 098 : 2016	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.15. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg *Mercury content*	QTTN/KT3 064:2016	$1,50 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.16. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g *Total mesophillic bacterial count*	GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	-		$3,0 \times 10^{1}$
7.17. Nấm mốc, CFU/10 g *Total moulds*	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-		$6,0 \times 10^{0}$
7.18. Nấm men, CFU/10 g *Total yeasts*	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-		Nhỏ hơn 1[(1)] *Less than*
7.19. *Salmonella* spp /25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-		Không phát hiện *Not detected*
7.20. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn 10[(1)] *Less than*
7.21. *E. Coli*, MPN/g	ISO 16649 – 3 : 2015	-		0
7.22. *Staphylococcus aureus*, CFU/g	AOAC 2023 (975.55)	-		Nhỏ hơn 10[(1)] *Less than*
7.23. Thử nghiệm GMO/ GMO Testing Phát hiện DNA thực vật dựa vào gen actin Phương pháp Real time PCR *Detection of actin gene (actin gene) Real-time PCR technique*	QTTN/KT3 287:2021 Real time PCR	10 copies		Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-02572BTP5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/ *Limit of Detection*	Phạm vi đo/ *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.24. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, mg/kg *Pesticide content*				
• 2,4-D	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Aldicarb	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Azinphos – methyl	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Carbofuran	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Clothianidin	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Lambda-cyhalothrin (includes gamma-cyhalothrin) (sum of R, S ang S, R isomers)	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện *Not detected*
• Cypermethrin (sum of isomer)	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện *Not detected*
• Chlorantraniliprole	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Dicamba	QTTN/KT3 272:2020	0,05		Không phát hiện *Not detected*
• Ethoprophos	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Glyphosate	QTTN/KT3 274:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Imazapic	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Isoxaflutole	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Mesotrione	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Novaluron	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-02572BTP5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Phạm vi đo *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
• Propiconazole (sum of isomer)	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Tebufenozide	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Trinexapac-ethyl	QTTN/KT3 272:2020	0,0025		Không phát hiện *Not detected*
7.25. Độ tro dẫn điện	(A)	N/A	N/A	N/A

Ghi chú/ *Note*: Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*

(1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g; 1 CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g; 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.

(A): Hiện nay Trung tâm Kỹ thuật 3 chưa có phương pháp thử phù hợp cho mẫu này

Quatest 3 does not have suitable test method for this sample.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Bureau Veritas Certification

Giấy chứng nhận cấp cho

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

COID - VNM-1-6756-908057

Bureau Veritas Certification Holding SAS, chi nhánh UK chứng nhận rằng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của tổ chức trên đã được đánh giá và xác định tuân thủ các yêu cầu của:

Tiêu chuẩn

FSSC 22000

Chương trình chứng nhận cho hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, bao gồm các yếu tố sau

ISO 22000:2018, ISO TS 22002-1:2009 và các yêu cầu bổ sung của FSSC 22000 V6

Giấy chứng nhận này áp dụng cho phạm vi

SẢN XUẤT ĐƯỜNG (ĐƯỜNG TINH LUYỆN, ĐƯỜNG TRẮNG, ĐƯỜNG PHÈN, ĐƯỜNG LỎNG, ĐƯỜNG MÍA LỎNG, ĐƯỜNG VIÊN, ĐƯỜNG THANH, ĐƯỜNG NÂU, ĐƯỜNG ĐEN, ĐƯỜNG TRỘN, ĐƯỜNG KHOÁNG CHẤT) VÀ MẬT (NƯỚC MÀU). ĐÓNG GÓI ĐƯỜNG ĂN KIÊNG

FSSC - Danh mục Chuỗi Thực phẩm: **CIV - Chế biến các sản phẩm lưu trữ ở nhiệt độ thường**

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 26/04/2025
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Lê Tinh Nghiêm

Ngày đánh giá không báo trước gần nhất:	**NA**
Ngày chứng nhận ban đầu:	**24-02-2014**
Ngày hết hạn chu kì trước:	**26-02-2023**
Ngày quyết định chứng nhận:	**06-03-2025**
Ngày bắt đầu chu kì chứng nhận:	**23-02-2023**
Có hiệu lực đến:	**26-02-2026**
Số giấy chứng nhận/Phiên bản:	**VN013156 - 1**
Ngày cấp:	**06-03-2025**

*Cần phải thực hiện ít nhất một (1) cuộc đánh giá giám sát không báo trước sau đợt đánh giá chứng nhận đầu tiên trong mỗi khoảng thời gian ba (3) năm sau đó

Đã ký thay mặt cho BVCH SAS
Chi nhánh UK

UKAS MANAGEMENT SYSTEMS 0008

FSSC 22000

Địa chỉ tổ chức chứng nhận: Tầng 5, 100 Đường Lower Thames, London, EC3R 6DL, Vương quốc Anh

Văn phòng địa phương: HCM Trụ sở chính: Số 36-38 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP.HCM, Việt Nam

Có thể tìm hiểu thêm về phạm vi của chứng nhận này và mức độ khả dụng các yêu cầu của hệ thống quản lý bằng cách tham vấn với tổ chức.

Chứng nhận này vẫn là tài sản của Bureau Veritas Certification Holding SAS - Chi nhánh Vương quốc Anh
Chứng nhận này có thể được xác thực trên cơ sở dữ liệu FSSC 22000 cho các Tổ chức được chứng nhận có sẵn trên www.fssc.com

MẶT TRƯỚC NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



LQHSB

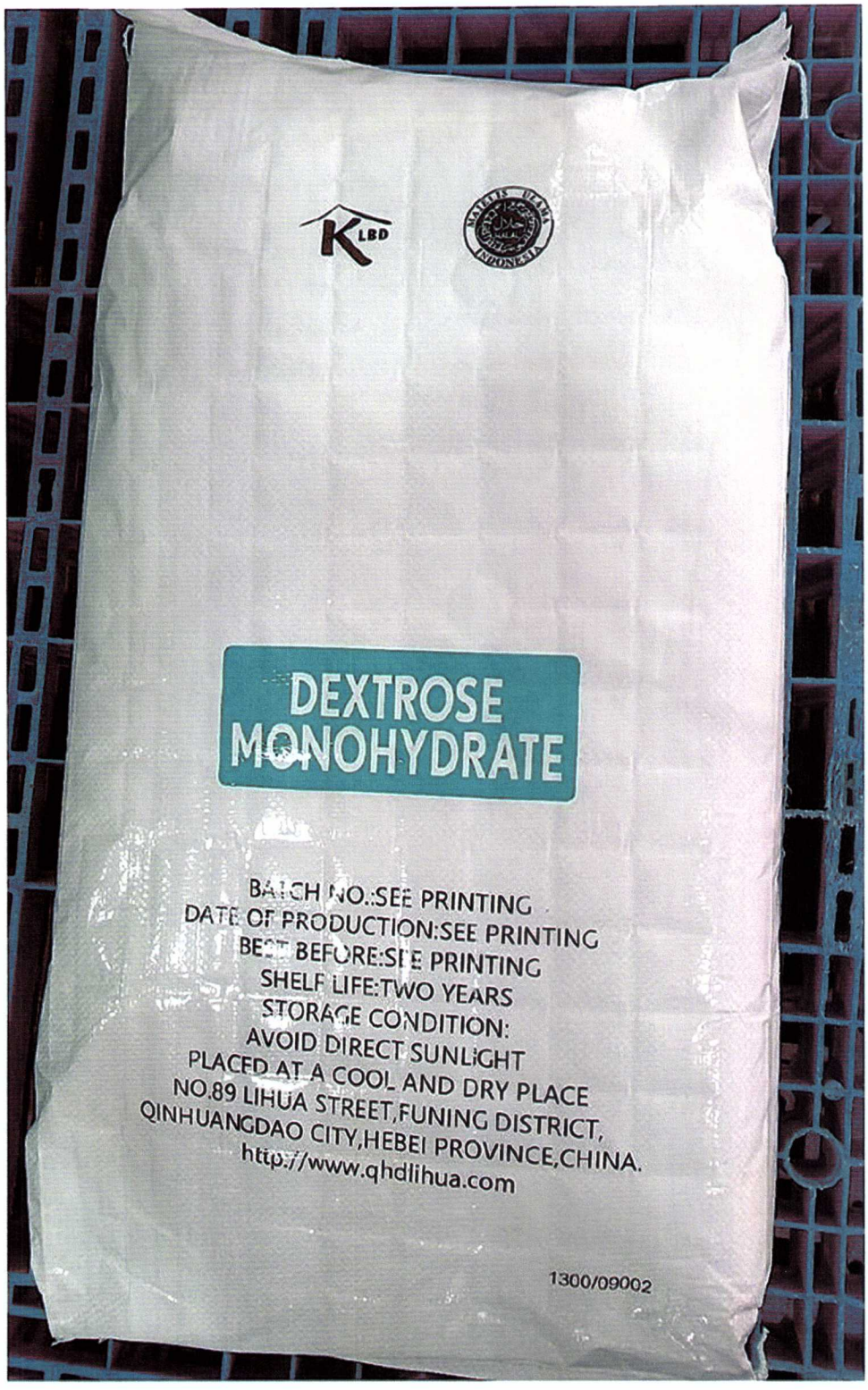
Phan Thị Thu

Ngày 25 tháng 10 năm 2024
Phó giám đốc nhà máy

M.S.D.N: 3600958[illegible] - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Ngô Thị Thanh Hằng

MẶT SAU NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



Ngày 25 tháng 10 năm 2024

P. QA&E

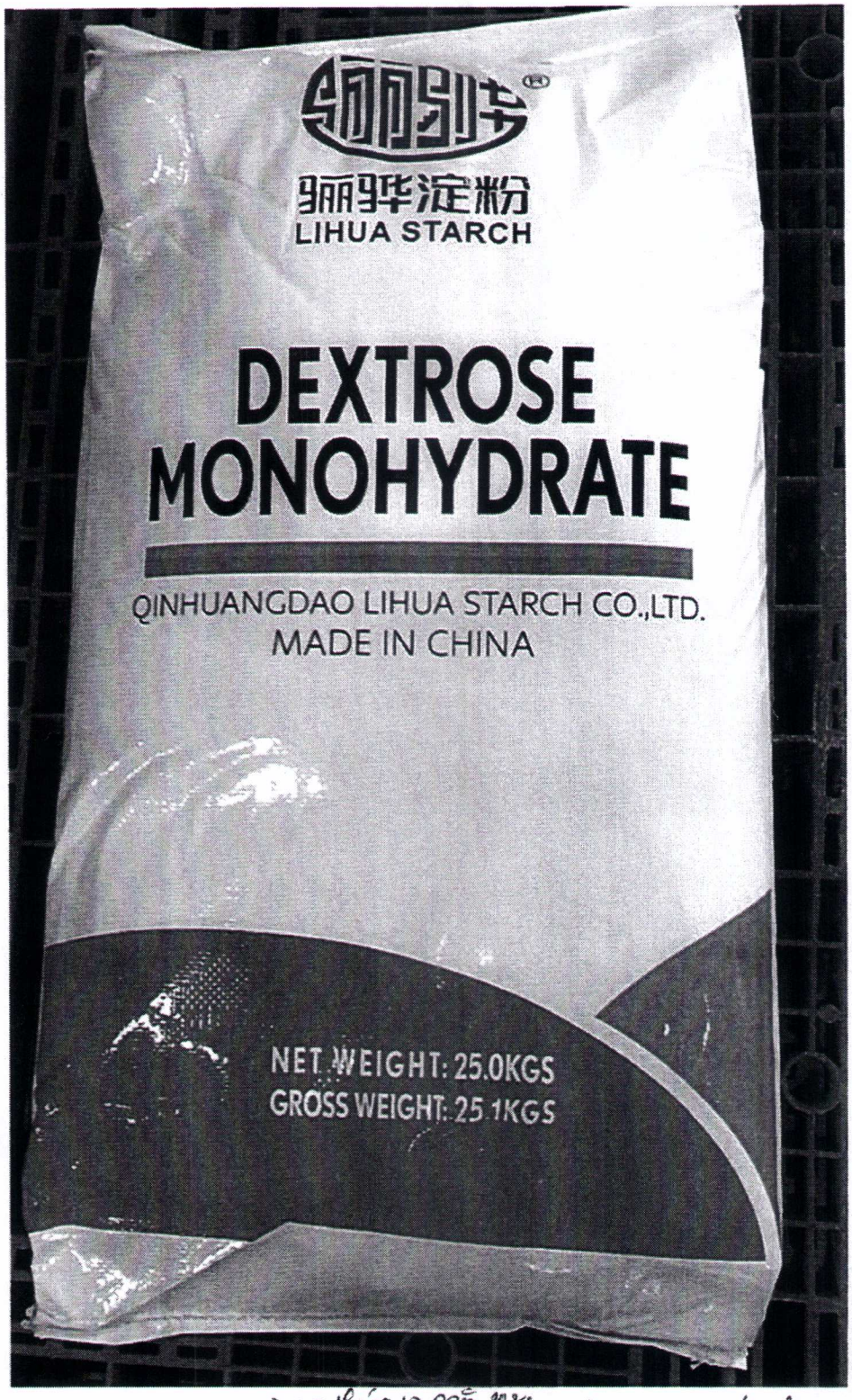
Phan Thị Thu

Giám Đốc Nhà Máy

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Ngô Thị Thanh Hằng

MẶT TRƯỚC NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



Ngày 25 tháng 10 năm 2024

P. QHSE

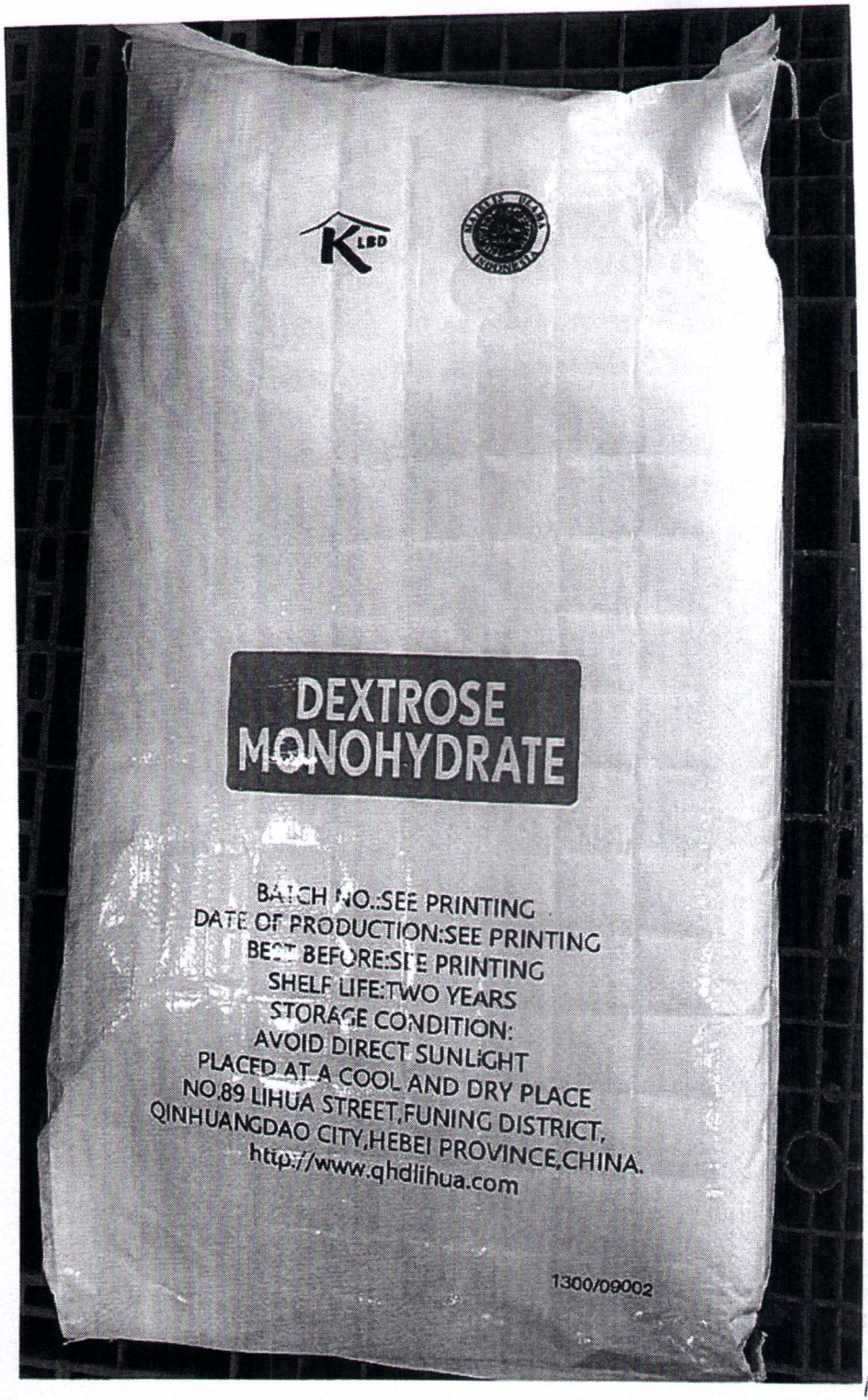
Phan Thị Thu

Phó Giám đốc nhà máy

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Ngô Thị Thanh Hằng

MẶT SAU NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



Ngày 25 tháng 10 năm 2024

P. QUẢN LÝ

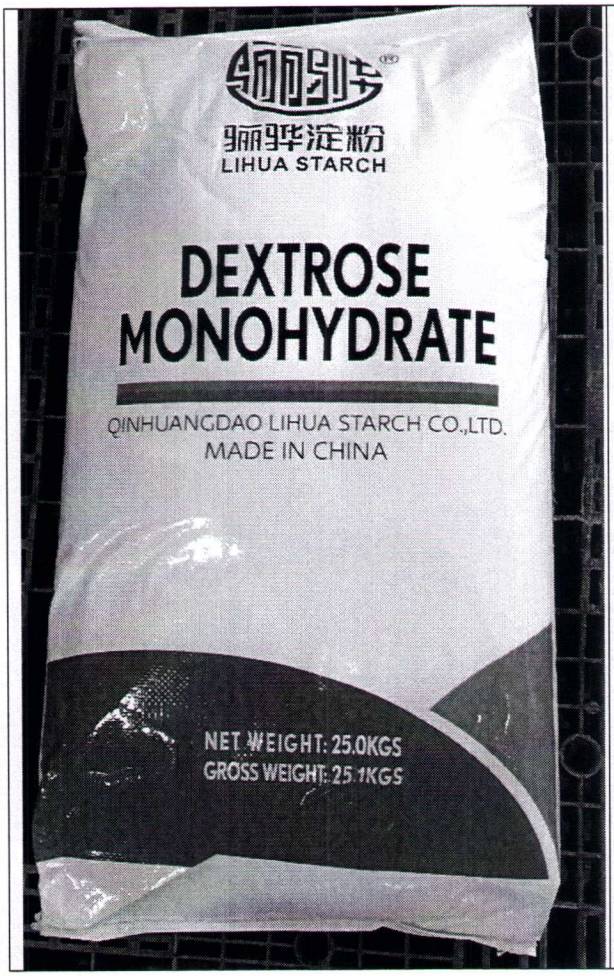
Phan Thị Thu

Giám Đốc Nhà máy

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Ngô Thị Thanh Hằng

MẶT TRƯỚC NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



LIHUA STARCH

DEXTROSE MONOHYDRATE

QINHUANGDAO LIHUA STARCH CO., LTD.
SẢN XUẤT TẠI TRUNG QUỐC

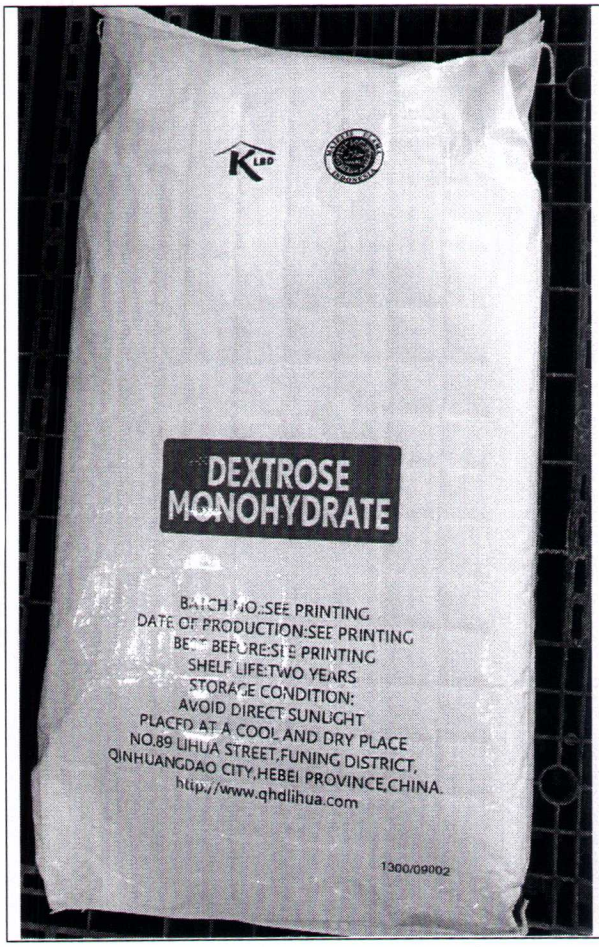
TRỌNG LƯỢNG TỊNH: 25,0 KG
TỔNG TRỌNG LƯỢNG: 25,1 KG

Ngày 25 tháng 10 năm 2024

Phòng QHSE
(Đã ký)
Phan Thị Thu

Phó Giám đốc nhà máy
(Đã ký và đóng dấu)
Ngô Thị Thanh Hằng

MẶT SAU NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



DEXTROSE
MONOHYDRATE

SỐ LÔ: XEM NỘI DUNG IN
NGÀY SẢN XUẤT: XEM NỘI DUNG IN
SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC: XEM NỘI DUNG IN
HẠN SỬ DỤNG: HAI NĂM
ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN:
TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP
ĐỂ Ở NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT

SỐ 89 ĐƯỜNG LY HOA, HUYỆN PHỦ NINH, THÀNH PHỐ TẦN HOÀNG ĐẢO, TỈNH HÀ BẮC, TRUNG QUỐC
http://www.qhdlihua.com

1300/09002

Ngày 25 tháng 10 năm 2024

Phòng QHSE
(Đã ký)
Phan Thị Thu

Phó Giám đốc nhà máy
(Đã ký và đóng dấu)
Ngô Thị Thanh Hằng

CÔNG TY TNHH YLC
Phòng RA5-RA6-RA7
Tầng 1, Tòa nhà VietPhone,
64 đường Võ Thị Sáu, phường Tân Định, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam 700000

Ngày 25 tháng 10 năm 2024

Số chứng nhận: DKC-063-1024

Giấy Chứng Nhận Dịch Thuật Chính Xác

Kính gửi *các cá nhân, đơn vị, cơ quan liên quan (Quý vị),*

Thay mặt Công ty TNHH YLC, một công ty cung cấp dịch vụ dịch thuật chuyên nghiệp, tôi xin chứng nhận rằng *(tài liệu đính kèm giấy chứng nhận này)* là bản dịch đúng và chính xác nội dung từ *[Tiếng Anh]* sang *[Tiếng Việt]* do một biên dịch viên chuyên nghiệp có kinh nghiệm, trình độ và năng lực, thông thạo cặp ngôn ngữ nêu trên thực hiện theo hiểu biết và niềm tin tốt nhất của chúng tôi.

Thông qua đánh giá chuyên môn của chúng tôi, văn bản dịch thể hiện trung thực nội dung, ý nghĩa và phong cách viết của tài liệu gốc, đồng thời văn bản cũng cấu thành một bản dịch đầy đủ và chính xác của tài liệu gốc về mọi phương diện.

Giấy chứng nhận này chỉ chứng thực tính chính xác của bản dịch. Chúng tôi không đưa ra bất kỳ tuyên bố hoặc đảm bảo nào về tính xác thực hoặc sự trung thực của các nội dung trong đó. Đồng thời, Công ty TNHH YLC sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý về bất kỳ mục đích sử dụng bản dịch nào từ phía khách hàng hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, bao gồm cả người dùng cuối.

Trân trọng,

(Ký tên ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Cương
Giám đốc

Trưởng phòng QA HSE

Phan Thị Thu



统一社会信用代码
91130300700806160H

营业执照
（副 本）

副本编号：3 - 2

名　　称　秦皇岛丽珠淀粉股份有限公司
类　　型　其他股份有限公司（本上市）
法定代表人　贺俊士
经营范围　许可项目：食品生产；食品添加剂生产；药品生产；饲料生产；食品销售；危险废物经营（不含危险货物）。（依法须经批准的项目，经相关部门批准后方可开展经营活动，具体经营项目以相关部门批准文件或许可证件为准）一般项目：食品添加剂销售；饲料原料销售；为方生产和供应；粮食收购；货物进出口；技术进出口。（除依法须经批准的项目外，凭营业执照依法自主开展经营活动）

注册资本　壹亿零伍佰万元整
成立日期　1998年12月17日
住　　所　秦皇岛市抚宁区抚宁镇丽都大街89号

登记机关　秦皇岛市行政审批局 行政审批专用章

2022 年 11 月 18 日

国家企业信用信息公示系统网址：http://www.gsxt.gov.cn　　国家市场监督管理总局监制

M.S.D.N: 3600495818 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Mã số tín dụng xã hội

9113030070080616OH

GIẤY PHÉP KINH DOANH

(Phụ Bản)　　Số phụ bản: 3-2

Tên: Công ty TNHH tinh bột Ly Hoa (Tần Hoàng Đào)

Vốn đăng ký là 100.500.000 RMB

Loại hình: Công ty TNHH cổ phần khác (chưa niêm yết)

Ngày thành lập : 17/12/1998

Người đại diện theo pháp luật: Hà Junshi

Địa chỉ: số 89 Đường Ly Hoa, huyện Phù Ninh, thành phố Tần Hoàng Đào, Hà Bắc, Trung Quốc

Phạm vi kinh doanh các dự án: Sản xuất thực phẩm, sản xuất phụ gia thực phẩm, sản xuất thức ăn Chăn nuôi, sản xuất và cung ứng hàng hoá đường bộ (Các dự án cần phê duyệt theo pháp luật chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận của các bộ phận liên quan các dự án kinh doanh cụ thể phải có văn bản phê duyệt hoặc giấy phép của các bộ phận liên quan). Dự án chung: Bán phụ gia thực phẩm, sản xuất và cung ứng (trừ các dự án phải xin phép theo quy định của pháp luật, hoạt đông kinh doanh có thể được thực hiện độc lập khi có giấy phép kinh doanh và đúng quy định của pháp luật.

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Ngày 18/11/2022

M.S.D.N: 3600495818 -
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒ

Trang web của hệ thống công khai thông tin tín dụng doanh nghiệp quốc gia: Http// www.gsxt.gov.cn

Các thực thể thị trường nên vượt qua quốc gia Hệ thống công bố thông tin tín dụng của mỗi doanh nghiệp nộp báo cáo công bố hàng năm

Do cục quản lý Điều tiết về thị trường sản xuất

统一社会信用代码

91130300700806160H

营业执照

（副 本）

副本编号：3 - 2

扫描二维码登录"国家企业信用信息公示系统"了解更多登记、备案、许可、监管信息。

名　　称　秦皇岛骊骅淀粉股份有限公司

类　　型　其他股份有限公司(非上市)

法定代表人　贺俊士

经营范围　许可项目：食品生产；食品添加剂生产；药品生产；饲料生产；食品销售；生物质燃气生产和供应；道路货物运输（不含危险货物）。（依法须经批准的项目，经相关部门批准后方可开展经营活动，具体经营项目以相关部门批准文件或许可证件为准）一般项目：食品添加剂销售；饲料原料销售；热力生产和供应；粮食收购；货物进出口；技术进出口。（除依法须经批准的项目外，凭营业执照依法自主开展经营活动）

注册资本　壹亿零伍佰万元整

成立日期　1998年12月17日

住　　所　秦皇岛市抚宁区抚宁镇骊骅大街89号

登记机关　秦皇岛市行政审批局 行政审批专用章 1303020941542

2022 年 11 月 18 日

国家企业信用信息公示系统网址：http://www.gsxt.gov.cn

市场主体应当于每年1月1日至6月30日通过国家企业信用信息公示系统报送公示年度报告。

国家市场监督管理总局监制



Certificate CN13/10354

The Management System of

Qinhuangdao Lihua Starch Co., Ltd.

No.89, Lihua Street, Funing Town, Funing District, Qinhuangdao City, Hebei Province, P.R. China

has been assessed and certified as meeting the requirements of

Food Safety System Certification FSSC 22000

Certification scheme for food safety management systems, consisting of the following elements: ISO 22000:2018, ISO/TS22002-1:2009 and Additional FSSC 22000 requirements (version 5.1).

This certificate is applicable for the scope of:
Manufacture of edible corn starch, waxy corn starch, edible glucose (dextrose monohydrate and dextrose anhydrous), glucose syrup, maltodextrin, solid corn syrup and edible corn gluten used as food ingredient;
Manufacture of sorbitol solution used as food additive.

Food Category CIV - Processing of ambient stable products, K - Production of (Bio) Chemicals

This certificate is valid from 01 December 2022 until 30 November 2025 and remains valid subject to satisfactory surveillance audits.
Date of Certification decision 27 November 2022
Issue Date 28 November 2022
Issue 8. Certified since 13 December 2013

Authorised by:
Jonathan Hall
Global Head - Certification Services
SGS United Kingdom Ltd
Rossmore Business Park, Ellesmere Port, Cheshire, CH65 3EN, UK
t +44 (0)151 350 6666 - www.sgs.com

Validity of this certificate can be verified in the FSSC 22000 database of certified organizations available on www.fssc22000.com.

FSSC 22000

This document is an authentic electronic certificate for Client business purposes use only. Printed version of this electronic certificate are permitted and will be considered as a copy. This document issued by the Company subject to SGS General Conditions of certification services available on Terms and Conditions | SGS. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdictional issues contained therein. This document is copyright protected and any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful.

Page 1 / 1

Chứng nhận CN13/10354

Hệ thống quản lý của

Công ty TNHH Tinh bột Ly Hoa (Tần Hoàng Đảo)

Số 89, đường Ly Hoa, thị trấn Phủ Ninh, huyện Phủ Ninh, thành phố Tần Hoàng Đảo, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc.

Đã được đánh giá và chứng nhận đáp ứng các yêu cầu của Chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000

Chương trình chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm bao gồm các yếu tố sau:

ISO 22000:2018, ISO/TS22002-1:2009 và các yêu cầu bổ sung của FSSC 22000

(phiên bản 5.1).

Chứng nhận này áp dụng cho phạm vi:

Sản xuất tinh bột ngô ăn được, tinh bột ngô sáp, glucose ăn được (dextrose monohydrate và dextrose anhydrate), xi-rúp glucose, maltodextrin, xi-rô ngô rắn và gluten ngô ăn được sử dụng làm nguyên liệu thực phẩm;

Sản xuất dung dịch sorbitol được sử dụng làm phụ gia thực phẩm.

Danh mục thực phẩm CIV - Xử lý sản phẩm ổn định ở nhiệt độ thường, K - Sản xuất hóa chất (sinh học)

Chứng nhận này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2022 đến ngày 30 tháng 11 năm 2025 và vẫn có giá trị với điều kiện các cuộc kiểm tra giám sát định kỳ thỏa mãn.

Ngày cấp chứng nhận: 27 tháng 11 năm 2022

Ngày ban hành: 28 tháng 11 năm 2022

Số lần phát hành: 8. Được chứng nhận kể từ ngày 13 tháng 12 năm 2013

Được ủy quyền bởi : Jonathan Hall

Trưởng bộ phận toàn cầu - Dịch vụ chứng nhận

SGS United Kingdon Ltd Rossmore

Business Park, Ellesmere Port, Cheshire, CH65 3EN, Vương quốc Anh

t +44 (0) 151350-6666 - www.sgs.com

Tính hợp lệ của chứng chỉ này có thể được xác minh trong cơ sở dữ liệu FSSC 22000 của các tổ chức được chứng nhận có sẵn trên mai.fssc22000.com.

Tài liệu này là chứng chỉ điện tử xác thực chỉ dành cho mục đích kinh doanh của Khách hàng. Phiên bản in của chứng chỉ điện tử được phép và sẽ được coi là bản sao. Tài liệu này do Công ty phát hành theo Điều kiện chung của SGS về dịch vụ chứng nhận có sẵn trên Điều khoản và Điều kiện | SGS. Xin lưu ý đến giới hạn trách nhiệm, bồi thường và các điều khoản về thẩm quyền có trong đó. Tài liệu này được bảo vệ bản quyền và mọi thay đổi, làm giả hoặc làm sai lệch trái phép nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều là bất hợp pháp.

Trưởng phòng QHSB

Phan Thị Thu

Certificate CN13/10354

The Management System of

Qinhuangdao Lihua Starch Co., Ltd.

No.89, Lihua Street, Funing Town, Funing District, Qinhuangdao City, Hebei Province, P.R. China

has been assessed and certified as meeting the requirements of

Food Safety System Certification FSSC 22000

Certification scheme for food safety management systems consisting of the following elements:
ISO 22000:2018, ISO/TS22002-1:2009 and Additional FSSC 22000 requirements (version 5.1).

This certificate is applicable for the scope of
Manufacture of edible corn starch, waxy corn starch, edible glucose (dextrose monohydrate and dextrose anhydrous), glucose syrup, maltodextrin, solid corn syrup and edible corn gluten used as food ingredient;
Manufacture of sorbitol solution used as food additive.

Food Category CIV - Processing of ambient stable products, K - Production of (Bio) Chemicals

This certificate is valid from 01 December 2022 until 30 November 2025 and remains valid subject to satisfactory surveillance audits.
Date of Certification decision 27 November 2022
Issue Date 28 November 2022
Issue 8. Certified since 13 December 2013

Jonathan M. Hall

Authorised by
Jonathan Hall
Global Head - Certification Services
SGS United Kingdom Ltd
Rossmore Business Park, Ellesmere Port, Cheshire, CH65 3EN, UK
t +44 (0)151 350-6666 - www.sgs.com

Validity of this certificate can be verified in the FSSC 22000 database of certified organizations available on www.fssc22000.com.

UKAS MANAGEMENT SYSTEMS 0005

This document is an authentic electronic certificate for Client' business purposes use only. Printed version of the electronic certificate are permitted and will be considered as a copy. This document is issued by the Company subject to SGS General Conditions of certification services available on Terms and Conditions | SGS. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdictional clauses contained therein. This document is copyright protected and any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful.

ORIGINAL

秦皇岛骊骅淀粉股份有限公司
QINHUANGDAO LIHUA STARCH CO., LTD.

Address: No.89 Lihua Street, Funing District, Qinhuangdao City, Hebei Province, China
Tel: +86 335 6034581 Fax: +86 335 6034278 E-mail: lihuastarch@qhdlihua.com

TO WHOM IT MAY CONCERN:

STATEMENT

WE (QINHUANGDAO LIHUA STARCH CO., LTD.) HEREBY DECLARE THAT THE APPLICATION OF DEXTROSE MONOHYDRATE MANUFACTURED BY US IS SHOWN AS BELOW:

PRODUCT USAGE INSTRUCTIONS: USED IN FOOD PROCESSING

QINHUANGDAO LIHUA STARCH CO., LTD.

NOV 14, 2024

BẢN GỐC

Công ty TNHH Tinh bột Ly Hoa (Tần Hoàng Đảo)

Địa chỉ: Số 89 đường Ly Hoa, Quận Phủ Ninh, thành phố Tần Hoàng Đảo, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc

Điện thoại: Tel: +86 335 6034581 Fax: +86 335 6034278 Email: lihuastarch@qhdlihua.com

Gửi đến các bên quan tâm:

TUYÊN BỐ

Chúng tôi (Công ty TNHH tinh bột Ly Hoa Tần Hoàng Đảo) tuyên bố rằng ứng dụng của Dextrose monohydrate do chúng tôi sản xuất được thể hiện như sau:

Hướng dẫn sử dụng sản phẩm: Dùng trong chế biến biến thực phẩm

Công ty TNHH tinh bột Tần Hoàng Đảo

Ngày 14.11.2024

(Đã đóng mộc)

M.S.D.N: 3600495... CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Giám đốc nhà máy

Lê Đình Nghiêm

ORIGINAL

秦皇岛骊骅淀粉股份有限公司
QINHUANGDAO LIHUA STARCH CO., LTD.
Address: No.89 Lihua Street, Funing District, Qinhuangdao City, Hebei Province, China
Tel: +86 335 6034581 Fax: +86 335 6034278 E-mail: lihuastarch@qhdlihua.com

TO WHOM IT MAY CONCERN:

STATEMENT

WE (QINHUANGDAO LIHUA STARCH CO., LTD.) HEREBY DECLARE THAT THE APPLICATION OF DEXTROSE MONOHYDRATE MANUFACTURED BY US IS SHOWN AS BELOW:

PRODUCT USAGE INSTRUCTIONS: USED IN FOOD PROCESSING

QINHUANGDAO LIHUA STARCH CO., LTD.

NOV.14, 2024